

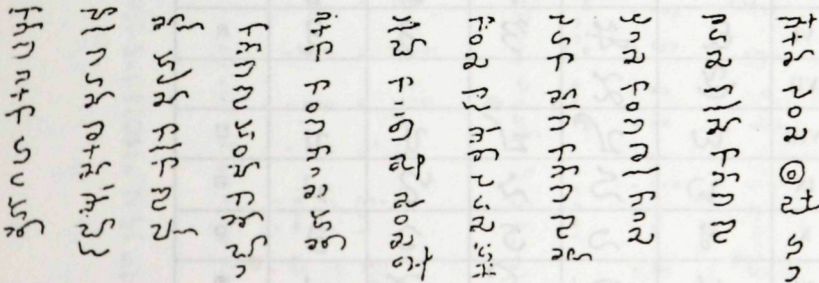
# CHỮ VIẾT QUỖ CHÂU - BẰNG CHỨNG VỀ CHỮ VIẾT ẤN ĐỘ TRUYỀN TRỰC TIẾP VÀO NHÓM THÁI Ở GIAO CHỈ

HOUMPHANH RATTANAVONG \*

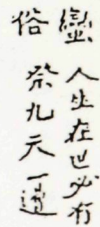
Chữ viết Quỳ Châu, một thứ chữ không được dùng nữa, trước đây từng được một nhóm Thái Ai-lao hiện đang sống ở vùng Phủ Quỳ (Quỳ Châu), tỉnh Nghệ An sử dụng.

Kiểu chữ viết này rất ấn tượng, thể hiện tính đặc sắc và đặc trưng của nó đáng được lưu tâm nghiêm túc.

Hình 1



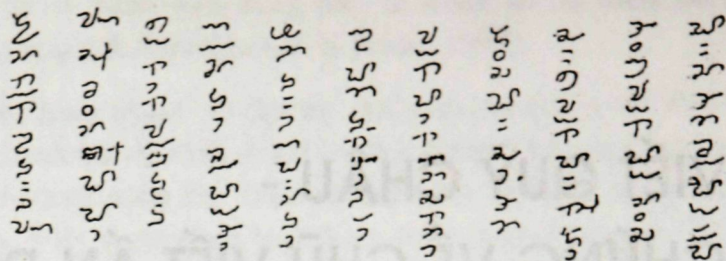
Hình 2



Có nguồn gốc từ miền nam Ấn Độ gọi là Nam Devanagri hay Pallawa, kiểu chữ này được viết bằng bút lông, từ trên xuống dưới và từ phải qua trái như kiểu chữ Trung Quốc.

\* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Văn hóa. Lào.

Hình 3



Điều này chứng tỏ rõ ràng rằng những người viết chữ Quỳ Châu đã biết dùng chữ Hán trước khi có phát minh hoặc phỏng theo kiểu chữ âm tiết của Ấn Độ cho ngôn ngữ có trọng âm của nhóm Thái này.

Kiểu chữ Quỳ Châu mang tính đặc sắc và đặc trưng nguyên thủy, bởi lẽ:

- Thứ nhất, nó vẫn tiếp tục dùng chữ tượng hình Trung Quốc cho một số thuật ngữ có lẽ khó phỏng theo, chẳng hạn “Mwaan”.
- Thứ hai, nó thiếu phụ âm mang trọng âm thay thế các giọng như trong các hệ chữ viết khác của nhóm Lào-Thái.
- Thứ ba, nó có các nguyên âm khác xa các nguyên âm của các loại chữ Lào-Thái khác và được sắp xếp không theo quy tắc trật tự chặt chẽ.

Hình 4

	Zallawa	Quy Chau	Liepnam	Hang Non (Tai Dan)	Ung Hoa	Lao moderne
đ/c	ປັນລະວະ	ກຸຍເຈົ້າ	ລຸງເນຊັ່	ຫາງເນ (ໄຕດັນ)	ອຸ່ງຮວາ	ລາວສະໄໝໃໝ່
I	𑄀	𑄁	𑄂	𑄃	𑄄	ກ
II	𑄅	𑄆	𑄇	𑄈	𑄉	ຂ
III	𑄊	𑄋	𑄌	𑄍	𑄎	ຄ
IV	𑄏	𑄐	𑄑	𑄒	𑄓	ງ
V	𑄔	𑄕	𑄖	𑄗	𑄘	ຈ
VI	𑄙	𑄚	𑄛	𑄜	𑄝	ຊ
VII	𑄞	𑄟				
VIII	𑄠	𑄡	𑄢	𑄣	𑄤	ບ
IX	𑄥	𑄦	𑄧	𑄨	𑄩	ລ
X	𑄪	𑄫	𑄬	𑄭	𑄮	ວ
XI	𑄯	𑄰	𑄱	𑄲	𑄳	ສ
XII	𑄴	𑄵	𑄶	𑄷	𑄸	ຮ
XIII	𑄹	𑄺	𑄻	𑄼	𑄽	ອ
XIV	𑄾	𑄿	𑅀	𑅁	𑅂	ຮ
XV	𑅃	𑅄	m			ມ
	A	B	C	D	E	F



VI				V			
၁၂၁	အိ	- ခိ	= ခိ (ခိ)	၁၂၁	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၂	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၂	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၃	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၃	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၄	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၄	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၅	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၅	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၆	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၆	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၇	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၇	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၈	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၈	ပ	- ပ	= ပ
၁၂၉	ပ	- ပ	= ပ	၁၂၉	ပ	- ပ	= ပ
၁၃၀	ပ	- ပ	= ပ	၁၃၀	ပ	- ပ	= ပ

Hình 6

	Pallawa	Quý Châu	Pallawa	Quý Châu
	(ပိမ်လဲဝဲ - ကျဲဒါ)		(ပိမ်လဲဝဲ - ကျဲဒါ)	
I	၁	၁	၁	၁
II	၂	၂	၂	၂
III	၃	၃	၃	၃
IV	၄	၄	၄	၄
V	၅	၅	၅	၅
VI	၆	၆	၆	၆
VII	၇	၇	၇	၇
VIII	၈	၈	၈	၈

Phải chăng đây là một mẫu chữ viết chứng tỏ việc truyền trực tiếp chữ Pallawa ở miền Nam Ấn Độ vào vùng Quỳ Châu ở Bắc Việt Nam mà không qua các trung gian Champa hoặc Lạn Xang như một số nhà nghiên cứu khẳng định.

Nghiên cứu mối quan hệ qua lại và sự phát triển các kiểu chữ khác nhau của người Thái ở Bắc Việt Nam nhằm tìm ra nguồn gốc chính xác của chúng là điều rất thú vị và cũng rất cần thiết. Theo nhận xét chưa phải thật sâu sắc của tôi, có thể kiểu chữ Quỳ Châu này là mẹ của các chữ viết Thái ở Việt Nam. Điều đó được thấy ít nhiều rõ nét trong quá trình phát triển của con chữ và trong các phụ âm mang trọng âm có ở các hệ chữ viết Thái khác, trừ chữ Quỳ Châu, chứng tỏ một giai đoạn phát triển hiện đại của các chữ viết đó.

Hình 7

Phụ âm

Quỳ Châu	Lào	Quỳ Châu	Lào
<u>ກຸ່ຍເຈົ້າ</u>	<u>ລາວ</u>	<u>ກຸ່ຍເຈົ້າ</u>	<u>ລາວ</u>
က	ກ	√	ບ
ຂ	ຂ	ຂ	၂
က	ဂ	က	ဖ
၅	၅	၅	မ
ပ	ဘ	ပ	၆
ဒ	ဒ	ဒ	လ
အ	အ	၁	ဝ
လ	ဗ	၃	တ
ဝ	ဂ	၂	၉
၉	ဓ	၄	၆
၇	၆	၇	ကဝ
၉	တ		
၁	သ		



Hình 10

PHẦN PHỤ ÂM

vùng MƯỜNG LẠ (1)	vùng MƯỜNG LAY (2)	vùng MỘC CHÁU (3)	vùng PHIÊN LÊ (4)	vùng PHONG HỒ (5)	ẤM VIỆT NAM (6)
✓ 𑀓	✓ 𑀓	✓ 𑀓	✓ 𑀓	✓ 𑀓	hồ hồ
𑀔 𑀔	𑀔 𑀔	𑀔 𑀔	𑀔 𑀔	𑀔 𑀔	lộ lộ
𑀕 𑀕	𑀕 𑀕	𑀕 𑀕	𑀕 𑀕	𑀕 𑀕	o.ô
𑀖 𑀖	𑀖 𑀖	𑀖 𑀖	𑀖 𑀖	𑀖 𑀖	cho chồ
𑀗 𑀗	𑀗 𑀗	𑀗 𑀗	𑀗 𑀗	𑀗 𑀗	lô lô
𑀘 𑀘	𑀘 𑀘	𑀘 𑀘	𑀘 𑀘	𑀘 𑀘	lho thồ
𑀙 𑀙	𑀙 𑀙	𑀙 𑀙	𑀙 𑀙	𑀙 𑀙	po pồ
𑀚 𑀚	𑀚 𑀚	𑀚 𑀚	𑀚 𑀚	𑀚 𑀚	tho thồ
𑀛 𑀛	𑀛 𑀛	𑀛 𑀛	𑀛 𑀛	𑀛 𑀛	ko kồ
𑀜 𑀜	𑀜 𑀜	𑀜 𑀜	𑀜 𑀜	𑀜 𑀜	so sồ
𑀝 𑀝	𑀝 𑀝	𑀝 𑀝	𑀝 𑀝	𑀝 𑀝	pho phồ
𑀞 𑀞	𑀞 𑀞	𑀞 𑀞	𑀞 𑀞	𑀞 𑀞	mo mồ
𑀟 𑀟	𑀟 𑀟	𑀟 𑀟	𑀟 𑀟	𑀟 𑀟	vo vồ
𑀠 𑀠	𑀠 𑀠	𑀠 𑀠	𑀠 𑀠	𑀠 𑀠	no nồ
𑀡 𑀡	𑀡 𑀡	𑀡 𑀡	𑀡 𑀡	𑀡 𑀡	ngô ngồ
𑀢 𑀢	𑀢 𑀢	𑀢 𑀢	𑀢 𑀢	𑀢 𑀢	khồ khồ
𑀣 𑀣	𑀣 𑀣	𑀣 𑀣	𑀣 𑀣	𑀣 𑀣	nhồ nhồ
𑀤 𑀤	𑀤 𑀤	𑀤 𑀤	𑀤 𑀤	𑀤 𑀤	lô lô
𑀥 𑀥	𑀥 𑀥	𑀥 𑀥	𑀥 𑀥	𑀥 𑀥	hồ hồ

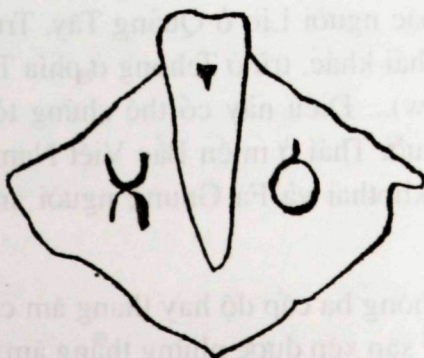
ໂຕຢ່າງຂອງໂຕອັກສອນຈັ້ນມະຍຸດ ຂອງ ກຸ່ມຊົນລາວ-ໄຕກຳພາກເໜືອຂອງວຽດນາມ

Phụ âm mang trọng âm

Người ta tự hỏi phải chăng đây là một giai đoạn phát triển mới của chữ viết xuất phát từ một kiểu chữ Thái ở miền Bắc Việt Nam?

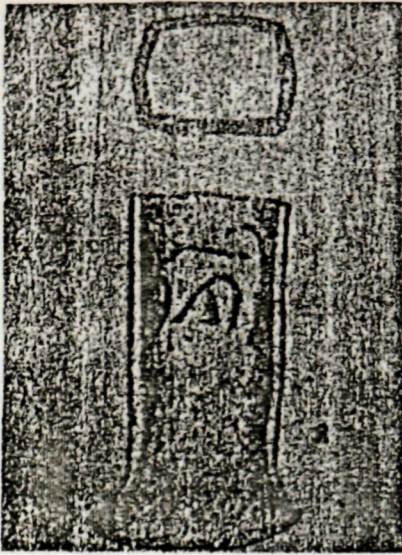
Theo các số liệu mà Lê Trọng Khánh đã nêu và được xuất bản trong cuốn *Sự hình thành và phát triển chữ viết cổ*, Viện Văn hóa ấn hành năm 1986, thì các loại hình chữ viết có nguồn gốc Ấn Độ đã tồn tại ở Việt Nam từ thời rất xa xưa.

Hình 11



Lưỡi cày đồng tại Viện bảo tàng Guimet (Paris), sưu tầm được tại miền Bắc Việt Nam, có chữ cải biến từ Ấn Độ. (Theo bản vẽ của Giáo sư Hà Văn Tấn, đăng trên Tạp chí *Khảo cổ học*).

Hình 12



Rìu đồng cán xòe có khắc chữ. (Ảnh của Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Đây là bằng chứng khẳng định hơn nữa việc chữ viết Ấn Độ truyền trực tiếp vào Việt Nam không qua Lạn Xang và Sukhothaya.

Người ta đã lưu ý rằng trước đây, ở miền Bắc Lạn Xang có một kiểu chữ viết gọi là “Lai Su Hang Nou”; nó cùng loại hình chữ Thái ở miền Bắc Việt Nam và ngày nay đã không được dùng nữa. Người ta tự hỏi trong cuộc chinh phục Luang Prabang dẫn tới việc thay thế triều đại Khun Chuang - tức là triều đại cũ chiếm giữ Mường Sưa hay Luang Prabang - bằng triều đại Khun Burom, cũng như trong việc thành lập Vương Quốc Lạn Xang, Khun Lo của Mường Thèng, con trai của Khun Brom, với quân đội hùng hậu của mình liệu có đem theo và truyền bá loại chữ này ở đất nước Lạn Xang hay không? Phải chăng kiểu chữ viết hiện đại của người Lào ở Lạn Xang là kết quả của sự pha trộn các kiểu chữ viết của những người Lào-Thái ở phía Tây và phía Đông? Tuy nhiên, trong số nhiều nhận xét, có một điều đáng lưu ý nhất. Đó là cách dùng nguyên âm AW tương hợp hoàn toàn với âm của người Luang Prabang và người Thái ở miền Bắc Việt Nam và cũng giống như của người Choang hoặc người Lio ở Quảng Tây, Trung Quốc. Trong khi đó thì các phân nhóm Lào-Thái khác, trừ ở Tehong ở phía Tây Vân Nam, lại có những âm khác: Ai, Eu, U (w)... Điều này có thể chứng tỏ một cách dùng thông dụng đã có từ lâu giữa người Thái ở miền Bắc Việt Nam và người Lào ở Bắc Lào trong thời kỳ trước Sukhothai và Fa Gnum, người anh hùng có công thống nhất đất nước Lạn Xang.

Rõ ràng là, mặc dù đã có hệ thống ba cấp độ hay thang âm của phụ âm mang trọng âm, người ta vẫn không thể sắp xếp được những thang âm có 5 hoặc 6 phụ



